

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **284/2023/HNGĐ - ST**
Ngày 02 tháng 6 năm 2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tạ Công Minh.

2. Ông Trần Công Trường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bé Thị Huệ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-HN ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị B**, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Phạm Văn Tr**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày: chị và anh Tr kết hôn năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 3/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc C, sinh ngày 12/9/1997, con đã trưởng thành và có gia đình riêng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.
- * Bị đơn anh Phạm Văn Tr vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Tr. Anh Tr có nơi cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[1.2] Chị Lê Thị B có đơn xin giải quyết vắng mặt hợp lệ. Anh Phạm Văn Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 174, 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Tr kết hôn vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay.

Anh Phạm Văn Tr vắng mặt cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

[2.2] Xét thấy, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và trình bày của chị B thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã Tr trọng. Mặc dù, sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ khi Tòa án thụ lý và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tr đã nhận được, nhưng anh vẫn không có văn bản thể hiện ý chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Tr là không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, cho chị B được ly hôn với anh Tr.

[2.3] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc Châu, sinh ngày 12/9/1997, con đã trưởng thành và có gia đình riêng.

[2.4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 238, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B được ly hôn với anh Phạm Văn Tr.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc C, sinh ngày 12/9/1997, con đã trưởng thành và có gia đình riêng.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021525 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên chị đã thi hành xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Nhị Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên